
Lãi suất LNH
Trái phiếu

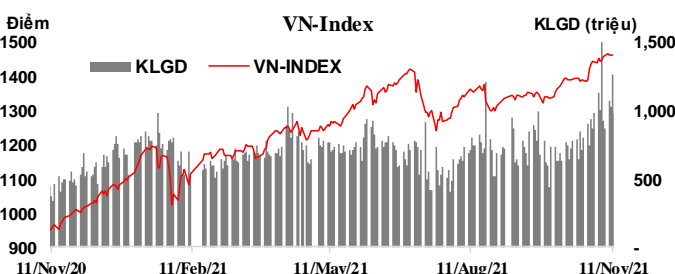
Kỳ hạn	Lãi suất LNH				Trái phiếu		
	VND	D/D	USD	D/D	Kỳ hạn	Lợi suất	D/D
ON	0.67	0.01	0.13	-0.01	3Y	0.67	0.001
1W	0.78	0.01	0.17	0.00	5Y	0.77	0.001
2W	0.88	0.00	0.21	0.00	7Y	1.12	-0.031
1M	1.16	0.00	0.28	-0.01	10Y	2.10	0.002
2M	1.46	0.03	0.36	-0.01	15Y	2.35	0.001
3M	1.59	0.03	0.45	0.00			
6M	1.85	0.05	0.75	0.03			
9M	2.46	0.05	1.14	0.05			
1Y	3.05	0.30	1.18	0.01			

Nguồn: Reuters

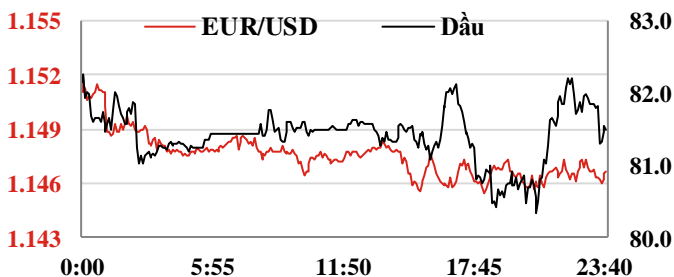
Giao dịch mua kỳ hạn trên OMO (tỷ đ)

Ngày	Phiên	Kỳ hạn (ngày)	Lãi suất (%)	KL gọi thầu	KL trúng	KL đến hạn	Bơm/hút ròng	KL lưu hành
11-11-21	1	7	2.50	1,000	-	-	-	-
10-11-21	1	7	2.50	1,000	-	-	-	-
09-11-21	1	7	2.50	1,000	-	-	-	-

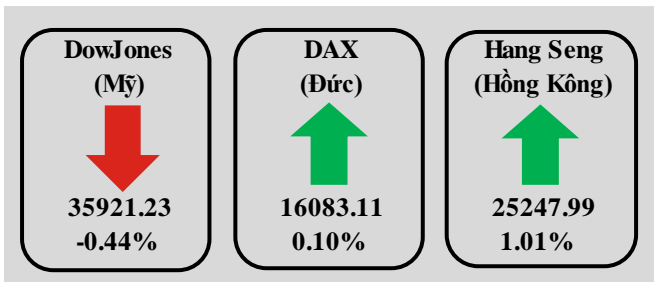
	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1462.35	438.73	109.21
%/ngày	-0.18%	0.11%	-0.41%
%/31/12/2020	32.47%	116.0%	46.7%
KLGD (tr.đ.v)	1265.48	181.85	136.7
GTGD (tỷ đ)	38134.77	4286.64	2681.17
NĐINN mua (tỷ đ)	1151.24	25.02	0.65
NĐINN bán (tỷ đ)	2360.67	35.24	0.36


Tin trong nước ngày 11/11

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 11/11, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 23.105 VND/USD, tăng nhẹ 05 đồng so với phiên trước đó. Tỷ giá mua giao ngay được giữ nguyên niêm yết ở mức 22.650 VND/USD. Tỷ giá bán được niêm yết ở mức 23.748 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên ở mức 22.640 VND/USD, giảm 15 đồng so với phiên 10/11. Tỷ giá trên thị trường tự do giảm mạnh 100 đồng ở chiều mua vào và 90 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 23.280 VND/USD và 23.350 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 11/11, lãi suất chào bình quân LNH VND tăng 0,01 đpt ở các kỳ hạn ngắn trong khi đi ngang ở các kỳ hạn 2W và 1M so với phiên trước đó, cụ thể: ON 0,67%; 1W 0,78%; 2W 0,88 và 1M 1,16%. Lãi suất chào bình quân LNH USD giảm 0,01 đpt ở các kỳ hạn ON và 1M trong khi không thay đổi ở các kỳ hạn 1W và 2W, giao dịch tại: ON 0,13%; 1W 0,17%; 2W 0,21%, 1M 0,28%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp tăng ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ giảm ở kỳ hạn 7Y, cụ thể: 3Y 0,67%; 5Y 0,77%; 7Y 1,12%; 10Y 2,10%; 15Y 2,35%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Phiên hôm qua, NHNN tiếp tục chào thầu 1.000 tỷ đồng trên kênh cầm cố với kỳ hạn 07 ngày, lãi suất ở mức 2,50%. Không có khối lượng trúng thầu, không còn khối lượng lưu hành trên kênh này.
- Thị trường chứng khoán:** Hôm qua, dòng tiền ồ ạt đổ vào thị trường khi các chỉ số điều chỉnh mạnh. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm nhẹ 2,67 điểm (-0,18%) xuống 1.462,35 điểm; HNX-Index tăng 0,49 điểm (+0,11%) lên 438,73 điểm; UPCoM-Index giảm 0,56 điểm (-0,41%) xuống 109,10 điểm. Thanh khoản thị trường đạt sát mức đỉnh với tổng giá trị giao dịch đạt trên 45.100 tỷ VND. Khối ngoại bán ròng mạnh gần 1.120 tỷ VND trên cả ba sàn.
- Số liệu thống kê sơ bộ mới được Tổng cục Hải quan công bố cho thấy, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của cả nước trong 10 tháng đầu năm đạt 539,42 tỷ USD, tăng 22,6% so với cùng kỳ năm 2020, xuất siêu trong 10 tháng đầu năm đạt hơn 120 triệu USD. Cụ thể, 10 tháng, xuất khẩu của Việt Nam đạt 269,77 tỷ USD, tăng 17,4% so với cùng kỳ năm 2020. Tính hết tháng 10, nhập khẩu của cả nước đạt gần 269,65 tỷ USD, tăng 28,3% so với cùng kỳ năm 2020.**



	11 Nov 21	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	95.18	0.35%	0.88%	5.83%
USD/CNY	6.39	0.03%	-0.11%	-2.07%
USD/EUR	0.87	0.24%	0.89%	6.66%
USD/JPY	114.05	0.13%	0.26%	10.47%
USD/KRW	1182.39	-0.22%	-0.28%	9.03%
USD/SGD	1.35	0.10%	0.24%	2.51%
USD/TWD	27.83	0.16%	-0.17%	-0.88%
USD/THB	32.85	0.15%	-1.47%	9.35%
USD/VND Trung tâm	23105	0.02%	-0.20%	-0.11%
USD/VND LNH	22640	-0.07%	-0.20%	-1.94%
USD/VND tự do	23276	-0.44%	-1.04%	-0.10%
Vàng	1861.52	0.65%	3.90%	-1.84%
Dầu	81.59	0.31%	3.53%	68.16%



Kỳ hạn	LIBOR		SIBOR	
	USD	TĐ	USD	TĐ
ON	0.0000	-0.0654		
SW	0.0739	-0.0006		
1M	0.0895	0.0003	0.2993	0.0000
2M	0.1190	0.0013		
3M	0.1560	0.0016	0.4364	0.0007
6M	0.2279	0.0084	0.5923	0.0007
1Y	0.3879	0.0341	0.0000	0.0000

Số liệu SIBOR ngày 10/11/2021

Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	1,25%	0,25%	15/03/2020	14/12/2021
Châu Âu	EUR	0,5%	0,00%	10/03/2016	16/12/2021
Anh	GBP	0,25%	0,10%	19/03/2020	16/12/2021
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/01/2016	17/12/2021
Australia	AUD	0,25%	0,10%	03/11/2020	07/12/2021

Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

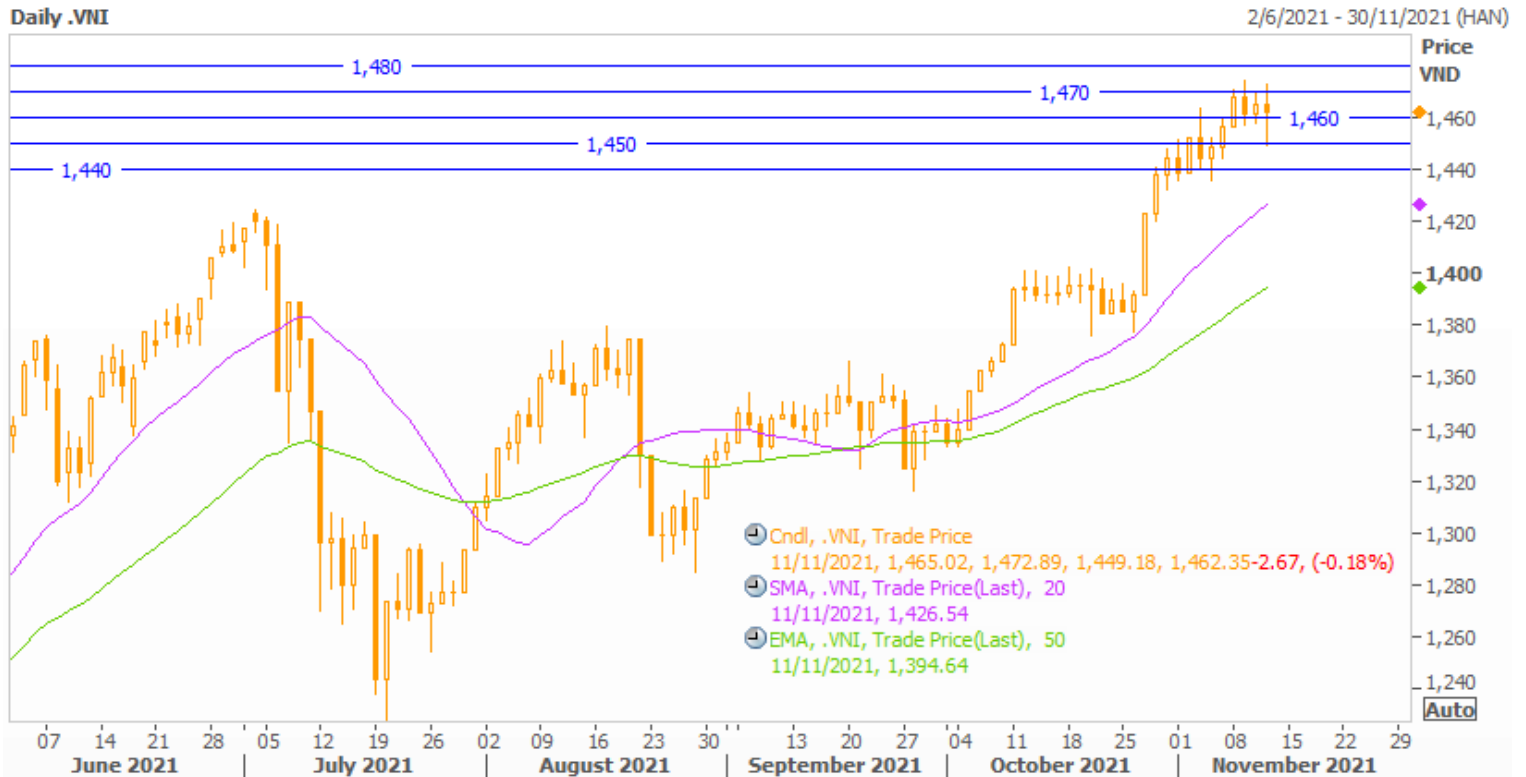
Tin quốc tế

- Nước Anh đón một số thông tin kinh tế quan trọng.** Đầu tiên, GDP của nước Anh tăng 0,6% m/m trong tháng 9, nối tiếp đà tăng 0,2% của tháng trước đó và đồng thời cao hơn mức tăng 0,4% theo dự báo. Theo đó, GDP của nước này tăng 1,3% q/q trong quý 3 sau khi tăng 5,5% ở quý trước đó, thấp hơn mức tăng 1,5% theo dự báo. Tính riêng trong tháng 9 cho thấy GDP của nước Anh chỉ còn thấp hơn 0,6% so với tháng 02/2020 (thời điểm trước đại dịch Covid-19). Tiếp theo, sản lượng công nghiệp của nước Anh giảm nhẹ 0,4% m/m trong tháng 9 sau khi tăng 1,0% ở tháng trước đó, trái với dự báo tăng nhẹ 0,2%. So với tháng 02/2020, sản lượng công nghiệp tháng 09/2021 thấp hơn khoảng 1,4%.
- Nước Úc đón thông tin tiêu cực về thị trường lao động.** Văn phòng Thống kê Úc cho biết quốc gia này giảm 46,3 nghìn việc làm trong tháng 10, nối tiếp đà giảm 141,1 nghìn của tháng trước đó, trái với dự báo tăng 50 nghìn. Theo đó, tỷ lệ thất nghiệp tại Úc ở mức 5,2% trong tháng vừa qua, tăng mạnh từ mức 4,6% của tháng 9 và vượt qua mức 4,8% theo dự báo của các chuyên gia. Đây là tỷ lệ thất nghiệp cao nhất tại nước Úc kể từ tháng 05/2021. Bloomberg cho rằng thị trường đang đánh giá thấp sức ỳ của thị trường lao động Úc, điều đang kìm hãm mức tiền lương của người dân. Tuy nhiên, cũng có một số ý kiến khác cho rằng thị trường lao động Úc vẫn đang dần cải thiện và chi tiêu của người tiêu dùng cũng đang tăng theo thời gian.
- Chỉ số giá sản xuất tại Nhật Bản tăng kỷ lục trong tháng 10.** Theo báo cáo của NHTW Nhật Bản BOJ, chỉ số giá sản xuất PPI tại nước này tăng 8,0% y/y trong tháng 10, cao hơn khá nhiều so với mức tăng 6,4% của tháng trước đó, đồng thời vượt qua mức tăng 6,9% theo dự báo. Đây là mức PPI y/y cao nhất của Nhật Bản trong vòng 40 năm. BOJ cho biết giá dầu leo thang đã khiến cho giá của các loại khí đốt khác trở nên đắt đỏ, kéo theo chỉ số giá sản xuất đi lên. BOJ lo ngại chi phí tăng cao sẽ giáng đòn mạnh vào các công ty Nhật Bản, vốn đang khó khăn trong quá trình phục hồi sau tác động của đại dịch.

Lịch công bố các chỉ số kinh tế:

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
11-11	7:30	***	Số việc làm thay đổi tại Úc T10	-46.3	50.0	-138.0K
11-11	7:30	***	Tỷ lệ thất nghiệp Úc T10	5.2	4.8	4.6
11-11	14:00	**	GDP Anh q3	1.3	1.5	5.5
11-11	14:00	*	GDP Anh nm T9	0.6	0.4	0.2
11-11	14:00	*	Sản lượng công nghiệp Anh nm T9	-0.4	0.2	1.0
12-11	15:00	**	Sản lượng công nghiệp Eurozone nm T9		-0.5	-1.6
12-11	22:00	**	Số cơ hội việc làm tại Mỹ T9		10.02M	10.44M
12-11	22:00	**	Niềm tin tiêu dùng UoM Mỹ T11		72.5	71.7

VN-INDEX



VN-Index giảm nhẹ xuống mức 1462,35 điểm. Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần, VN-Index có thể sẽ tăng điểm trở lại để thu hẹp dần khoảng cách với ngưỡng kháng cự tâm lý 1.500 điểm.

Ngưỡng hỗ trợ: 1.450 – 1.440

Ngưỡng kháng cự: 1.470 – 1.480

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnh1@msb.com.vn

Hoàng Thị Thu Trang - CVCC Phân tích

Email: trangtt5@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CV Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: Research@msb.com.vn